

NGÔN NG H C VÀ VI T NG H C

NGÔN NG XÃ H I TRONG PHÓNG S VŨ TR NG PH NG SOCIAL LANGUAGES IN VU TRONG PHUNG'S REPORT TAGES

VŨ XUÂN HÀO (PGS.TS; Đ i h c Quy Nh n)
NGUY N VĂN TRANG (HVCH; Đ i h c Quy Nh n)

Abstract: This article researches the system of slangs, aural language and folklore idioms in report tages by Vũ Tr ng Ph ng. Being a part forming language style in reportage articles of Vũ Tr ng Ph ng, social language is not rough material which was used optionally but it is the skill fully choosening language from a real life with various aspects. Social language in Vũ Tr ng Ph ng's articles is expressed in many different subgroups. They existed as a main tool helping the author research and generalize the nature of social events and phenomena, social evils which the author had described, criticized, satirized or analyzed in order to show the distintive features of exact objectives with their real value carrying the characterstics of reportage language.

Key words: system of slangs; aural language; idioms; reported articles.

1. Đ t v n đ

Trong m y th p niên g n đây, ngôn ng h c xã h i - m t chuyên ngành c a ngôn ng h c ra đ i và phát tri n ngày càng m nh m . Dù v n còn nhi u b t đ ng trong vi c xác đ nh ph m vi và đ i t ng c th , nh ng nó đã có nh ng đóng góp thi t th c vào quá trình nghiên c u ngôn ng c ng đ ng, nh ng bi n th c th c a các hình th c nói năng trong các hoàn c nh ngôn ng giao ti p xã h i.

Theo Nguy n Văn Khang trong “Ngôn ng h c xã h i - Nh ng v n đ c b n”, ngôn ng xã h i là m t v n đ ph c t p, có tính liên ngành. Ngôn ng xã h i bao g m m t ph m vi bao quát khá l n, do đó s th hi n c a nó cũng khá phong phú và đa đ ng. V y, ngôn ng xã h i là gì? Đây là câu h i liên quan đ n nh ng v n đ xã h i vĩ mô và vi mô. Vì th , nh ng n i dung liên quan đ n câu tr l i cho câu h i này quá r ng l n. Trong ph m vi t li u kh o sát, chúng tôi xin đ i c gi i h n r ng: ngôn ng xã h i - thu c đ i t ng nghiên c u c a bài báo

khoa h c này - là m t h th ng bao g m t i ng lóng, kh u ng , t ng giao ti p trong các hoàn c nh ngôn ng c th . Ngôn ng xã h i là s n ph m c a quá trình t ng tác gi a các lĩnh v c ngôn ng , tâm lí xã h i, tính cách, ngôn ng cá nhân và b n ch t văn hoá c a m t dân t c c th . C ch ho t đ ng c a l p t này khá phong phú và t n t i đ i nhi u bi n th . Tùy theo m c đích và nhu c u c a ng i s đ ng, h th ng ngôn ng xã h i s có nh ng bi u hi n linh ho t, thích ng v i các n i dung giao ti p c th trong nh ng ng c nh giao ti p c th .

Khi đi vào tác ph m văn h c, ngôn ng xã h i đ i c xem là m t đ ng th c c a ngôn ng ngh thu t, nh ng t ng đã đ i c ch t l c, l a ch n và t ch c b c cao - ngôn ng văn h c. Xét v m t lí lu n, ngôn ng xã h i là h qu c a m i quan h gi a ngôn ng và xã h i, là k t qu các ph ng cách s đ ng ngôn ng trong m t xã h i hay m t nhóm xã h i c th . M t trong nh ng v n đ c b n mà ng i nghiên c u v ngôn ng xã h i c n quan tâm là s phân bi t ngôn ng

về mặt xã hội thì có bình diện của cấu trúc ngôn ngữ, tìm hiểu đặc điểm các quan hệ tiếng nói giữa cấu trúc ngôn ngữ và cấu trúc xã hội.

Về mặt cách là một bộ phận cấu thành diện mạo ngôn ngữ trong tác phẩm phóng sự của Vũ Trùng Phụng, ngôn ngữ xã hội không phải là những chất liệu thô ráp được đơn giản một cách tùy ý, “vô tội vạ” mà là lớp tiếng nói được chọn lọc, được tuyển chọn trong hàng ngàn tên “quặng vụn” ngôn ngữ đời sống muôn màu muôn vẻ. Ngôn ngữ xã hội trong tác phẩm của “ông vua phóng sự đất Bắc” này bao gồm nhiều hệ thống khác nhau, chúng tồn tại như một phương tiện có bản góp phần giúp tác giả đi sâu khám phá, khái quát bản chất của các hiện tượng xã hội, các thói quen mà nhà văn muốn đề phá, châm biếm hay phân tích miêu tả nhằm đưa ra những đặc trưng trên bề mặt của đời sống thực tế, chính xác, có giá trị thực tế, mang đặc trưng của ngôn ngữ báo chí.

2. Hệ thống ngôn ngữ xã hội trong phóng sự Vũ Trùng Phụng

2.1. Tiếng lóng trong ngôn ngữ phóng sự Vũ Trùng Phụng

Như đã nói, khái niệm ngôn ngữ xã hội được chúng tôi sử dụng trong khuôn khổ bài viết này được xem là những tiếng nói phản ánh nhiều phương diện khác nhau của xã hội. Do đó, để có được một cái nhìn cá biệt hóa, trong ngôn ngữ phóng sự của Vũ Trùng Phụng, chúng tôi khảo sát tiêu loại tiếng nói xã hội căn bản là tiếng lóng.

Tiếng lóng là những từ được dùng để gọi tên các sự vật, hiện tượng vốn đã có tên gọi, được một tập thể xã hội nhất định sử dụng nhằm mục đích muốn che giấu những điều mà người nói không muốn cho người ngoài tập thể biết hoặc muốn bí mật về cái gì riêng của tập thể mình hoặc bí mật về thái độ một cách minh mẫn. Trong “Sổ tay từ - ngữ tiếng lóng tiếng Việt”, Đoàn T. Huyền và Lê Thế

Yên cho rằng, về đặc điểm, tiếng lóng là một phương tiện ngôn ngữ xã hội (và chúng do các nhóm xã hội tạo ra, chủ yếu được sử dụng trong nhóm xã hội này; sẽ thay đổi của chúng phụ thuộc vào bối cảnh xã hội). Đặc điểm thứ hai là tiếng lóng chủ yếu được dùng trong giao tiếp không nghi thức và có giá trị trong một phạm vi xã hội hẹp hẹp. Cuối cùng, tiếng lóng có tính chất lâm thời, chúng là một hiện tượng ký sinh vào tiếng Việt, xuất hiện và mất đi, thay đổi thường xuyên, không ngừng.

Qua khảo sát một số phóng sự của Vũ Trùng Phụng, chúng tôi thống kê và thu được số liệu như sau:

Bảng 1. Hệ thống tiếng lóng trong phóng sự của Vũ Trùng Phụng

STT	Tác phẩm	Số lượng tiếng lóng
1	<i>Cơm bữa ngày xưa</i>	73
2	<i>Kỹ nghệ lấy Tây</i>	8
3	<i>Vườn bờ bãi</i>	2
4	<i>Cơm thầy cơm cô</i>	7
5	<i>Lục xì</i>	15

Trong các phóng sự của Vũ Trùng Phụng, *Cơm bữa ngày xưa* có một số tiếng lóng dày đặc. Chủ riêng các ngôn từ bí mật, dân chửi đã dùng biệt bao tiếng lóng mà “người ngoài” không thể nào hiểu nổi: *đánh giắc, đánh kiêu, đánh răng, đánh siêng, đánh Vân Nam, đòn Ba Giai, đòn bàn nhế, đòn gió, đòn kìm, đòn lấy ngửi, đòn nam châm, đòn nỉu, đòn thù châu...*

Chính những tiếng lóng được sử dụng thường xuyên, được biết là trong đời sống đã góp phần khắc họa chân dung nhân vật. Như, chỉ qua một lời nói cũng đủ để biết nhân vật Vân trong *Cơm bữa ngày xưa* là một “tay chửi” trong giới bí mật: “Đến sau bác sang, tôi gọi cho mấy via nhà đến, rồi ta đi sẽ có dịp được chia sẻ những chuyện với nhau. Nhưng tôi muốn bác cho xem qua các ngôn từ sau này mà tránh...”.

Chính lập t ngữ xã hội đc biết này đã tr thành phng tiến ngh thu t ngôn t đc s giúp nhà văn phn ánh chân th c th c đ i sng xã hội Việt Nam nh ng năm kinh t khng ho ng 1929-1933. Hoàn c nh lch s và xã hội đó đã o ra m t b phn ti u t s n b l u mạnh hóa, luôn trong tình trng phá s n và m t b phn dân nghèo thành th sng g p v i nh ng ngón ngh m i b t ch p truy n th ng và đ o lí nh: *C m b y ng i* (1933) phn ánh v ngh c gian b c l n, *Kĩ ngh l y Tây* (1934) vi t v các me Tây và cái ngh đ c nâng thành “kĩ ngh” l y Tây. M t xã hội b t ch p đ o lí, đ y nh ng b t công, gi đ i, không còn gì là chu n m c thì ngôn ng chu n m c làm sao có th phn ánh trung th c đ i sng c a xã hội? Ti ng lóng là phng tiến ngh thu t t i u đ v ch tr n b n ch t c a con ng i và xã hội đ ng th i, ti ng lóng là phng tiến trung th c đ nói lên ti ng lòng c a tác gi tr c th c trng đau bu n c a xã hội Việt Nam nh ng năm 30.

2.2. H th ng ng li u dân gian trong ngôn ng phóng s Vũ Trng Ph ng

Ng li u còn đ c g i là ví đ , đ n ch ng, minh h a, t li u, đ n li u, c li u... có th đ c đ n đ ng, trích đ n, khai thác, l a ch n t nh i u ngu n khác nhau tùy thu c vào m c đích, n i dung, đ i t ng và đ i u ki n c th c a v n đ , th lo i, n i dung phn ánh. Do đó, ng li u là nh ng t li u ngôn ng c a m t dân t c hay c th h n là ngôn ng c a m t tác ph m văn ch ng, báo chí. Trong quá trình tìm hi u đ tài và vi t các thiên phóng s c a mình, Vũ Trng Ph ng đã l a ch n m t h th ng ng li u có ngu n g c t văn h c, văn hóa dân gian. Chúng tôi t m g i đó là h th ng ng li u dân gian.

Không ch có năng khi u đc biết trong vi c nhìn nh n, phát hi n v n đ , Vũ Trng Ph ng còn là m t nhà ngôn ng b c nh t.

Qua các sáng tác c a ông, nh t là m ng phóng s , chúng ta có th nh n th y r ng, đ vi t nên m t thiên phóng s , nhà văn đã huy đ ng và khai thác m t l ng t ngữ r t n.

Đ c hàng lo t thiên phóng s , tr c h t ta th y tác gi r t có ý th c trong vi c dùng ngôn ng sao cho th t gây n t ng. Ngay t cách đ t các tiêu đ c a các thiên phóng s , t ngữ đã gây tò mò và kích đ ng tr c t p vào trí não đ c gi: *Ông quân s c a b c b p, Đ anh nào b t đ c m t ta, X ng ch t o khí gi i* (*C m b y ng i*). Ngoài ra, tác gi cũng chú ý đ n vi c s đ ng đan xen nh i u đ ng th c ngôn ng: ngôn ng đ i th ng, ngôn ng ngh nghi p, ngôn ng báo chí ng n g n, đanh thép, giàu thông tin và ngôn ng văn ch ng giàu hình nh.

l p ngôn ng đ i th ng, m t đ c đ i m đ nh n th y là tác gi đã chú ý s đ ng r t nh i u các l p t mang đ m y u t dân gian nh các thành ng , t c ng . Trong *C m b y ng i* v i kho ng 300 trang sách, s l ng thành ng s đ ng là 62, s l ng t c ng là 2; *Kĩ ngh l y Tây* s l ng thành ng , t c ng là 36/2/800 trang; *L c x i* là 10/2/180 trang.

B ng 2. H th ng ng li u văn h c dân gian trong phóng s c a Vũ Trng Ph ng

STT	Tác ph m	S l ng	Trong đó	
			Thành ng	T c ng
1	<i>C m b y ng i</i>	64	62	2
2	<i>Kĩ ngh l y Tây</i>	38	36	2
3	<i>V nh b i h</i>	8	8	0
4	<i>C m th y c m c o</i>	22	21	1
5	<i>L c x i</i>	12	10	2

Thành ng , t c ng là nh ng c m t , câu mang tính khái quát cao. Vi c s đ ng các thành ng và t c ng không ch làm tăng

hình ảnh và sức thái biểu cảm của câu văn mà còn có tác dụng lột tả hết bản chất của đời sống để miêu tả, làm cho người đọc hiểu đến tận cùng nguồn cơn của nó.

Chàng hèn, “Ông làm vậy với thiên nhiên như người vô công rồi nghỉ đi để chờ dịp phá, thiên nhiên theo cái lẽ viển vông vô lão thành, đã từng để cớ bách chiến bách thắng, đến nỗi mất cuộc khi hoàn cũng chẳng để làm cho say sưa” (Cảm bầy người). Hay, “Bà mẹ già gần cá chém thớt, ông chèo cũng gọi con sen ra từng cho mẹ hai cái bát tại, mẹ đau nó chẳng đáng tí tình gì” (Cảm thấy cảm cô), “No cảm m cảm t gươm gươm m m n n” các ngài ơi, đi đâu vậy ta phải trở lại là chính đáng lắm” (Lạc xì).

Với cảm nhận thông kê trên chúng ta thấy, trong ngôn ngữ phóng sự của Vũ Trùng Phụng, sự góp mặt của các thành phần ngôn ngữ dân gian không đáng kể. Số lượng thành ngữ được sử dụng nhiều hơn từ vựng. Có lẽ giá trị thẩm mỹ và ý nghĩa biểu trưng của các thành ngữ không chỉ làm tăng sức khái quát cho chủ đề, đề tài mà còn góp phần tạo nên tính sinh động, trực quan và giàu hình ảnh biểu trưng cho nội dung của các nhân vật. Cùng với thành ngữ, tục ngữ và lớp từ ngữ dân gian nói chung đã không định phong cách ngôn ngữ đa dạng, linh hoạt, gần gũi với phong cách khu vực quần chúng. Có thể khẳng định, đây là một điều kiện rất cần thiết để nghệ thuật phóng sự của Vũ Trùng Phụng đến gần với người đọc và sống mãi với đời giờ như chúng ta tiếp tục tìm hiểu ở mục 2.3.

2.3. Lớp từ khu vực trong phóng sự Vũ Trùng Phụng

Với sự đa dạng khu vực thông tin, theo chúng tôi, là cảm nhận quan niệm của người cầm bút. Thứ nhất, nó là một phương pháp để nhà văn kéo cái điều đang diễn ra đời gần hơn với thực tế, như “Tiên sư cái kíp đi đi! Thân phận tôi đòi khốn khổ”, “Mà

cái thân tôi đến nỗi này thì tôi còn gì gìn làm gì mà chôn đâm vào cái nghề hoa nguyệt cho nó bõ đây oan mất phen” (Cảm thấy cảm cô). Nói theo cách của Vũ Trùng Phụng là để cho ta được nhìn thấy cái cuộc đời không chỉ có “ngày xuân vui” mà còn có bao nhiêu sự “ăn gian nói dối” của nó. Thứ hai, không chỉ gần đến có thể, sự đa dạng nghệ thuật thơ, sức, gai góc, nghệ thuật văng vẳng, chơi chữ, Vũ Trùng Phụng còn muốn dùng nó để giáng trả cái xã hội giờ đây lên xu hướng văn hóa lãng mạn lúc bấy giờ. Được biết là nhóm Tội phạm Văn đoàn thời điểm đó, vẫn đang đứng theo lối đi theo kiểu cách, hoa mỹ, làm dáng trí thức, vô hình che giấu bao điều ghê tởm, xấu xa mà Vũ Trùng Phụng vẫn thông qua để kích là dùng nghệ thuật điều tra. Và thứ ba, có lẽ để với cái cuộc đời “chó đẻ” vậy thì việc dùng một hình thức thông tin, đôi khi có tác dụng hóa giải những phần uất, cảm hèn trong chính bản thân Vũ Trùng Phụng. Như là chơi của một tay cầm bút “Thiên đê đen” bởi vì: “Hiên nguyên hình rồi! Chó quá, lại trở nên như như!” (Cảm bầy người).

Bảng 3. Khu vực trong một số phóng sự của Vũ Trùng Phụng

STT	Tác phẩm	Khu vực
1	Cảm bầy người	135
2	Kĩ nghệ lý Tây	55
3	Vết như bôi hồ	7
4	Cảm thấy cảm cô	108
5	Lạc xì	47

Trong khi sự đa dạng ngôn ngữ đời thường, các tác giả phóng sự cũng rất chú ý sử dụng các lớp khu vực tự nhiên phù hợp với từng loại nhân vật. Có lẽ nói một cách đầy đủ về câu chuyện của cô bé nhà quê ra thành thị đi làm thuê để kiếm miếng ăn: “Khốn nạn, nào tôi có tài gì mà dám nếm cảm ai! Tôi

ch c u vào m t c a d i m i n h c h o v a p h i , đ n g b t m i n h l à m q u á s c , đ n g đ á n h c h i m i n h n h c á i n h à t o i v a b đ i t h i k h n n , n ó n ă m c h a b a m q u á , a i c ũ n g đ á n h c h i đ i c m i n h . N g i n à y s a i c h a x o n g v i c n à y , n g i k h á c đ ã l i i . T h à n h r a m i n h l à c á i t h â n b a v ” (C m t h y c m c o) . C ó k h u n g n h u m m à u t h t h à n h c a n h n g m e T â y đ ã g i à đ i t r o n g n g h : “ V i c g i m à s ? C ó đ á n h c h t c á i b a v n ? B n h t o à n m t t h t í n h m m n n r n b u o n g m à t h o i . T r p h i b t đ i c q u t a n g n g v i g i a i h ỹ c h u , c h đ i n g đ i n g c h í n h c h í n h r a , m i n h p h i m à h t r á i , t h i ... c h i t h i c h i t r , đ á n h c ũ n g đ á n h t r . C á c c o c ó b i t g á i n à y t h n à o k h o n g ? Đ ã c ó l n b đ m m t c á i m à t á t l i đ i c b a c á i đ y . G i d a o l ê n đ a , g á i n à y c ũ n g t c p h ả n g n g a y c á i c o ó c x e l ê n . A n h n à o c ũ n g p h i g m ! ” (K i n g h l y T â y) .

V i c s đ n g c á c l o i k h u n g t n h i ê n p h u h p v i t n g l o i n h â n v t c ũ n g n h n g o n n g n g h n g h i p k h o n g c h c h n g t s a m h i u k i l n g c a t á c g i đ i v i t n g đ i t n g đ i c m i ê u t m à c ò n g ó p p h n đ i c l c t r o n g v i c c á t í n h h ó a n g o n n g n h â n v t . C h n g h n , c h m y l i “ G i i đ i t c h a m i i ! S a o l i k h o n g t h í c h ! Đ a n g p h i h u h n g i t a m à n h y t ó t l ê n n a n g h à n g v i n g i t a ! L à m n h à t r o t h i m i m o n g c ó p h e n l ê n b à p h á n , b à k í , c h l à c o n s e n t h i m a y l m c ũ n g c h l y đ i n c á i h n g a n h m à t h o i . T o i t h y h n g c ó c a n ó s a i b o t o i , c h i b c h i m t o i , m à t o i c p h i c â m , t h i t o i k h l m , a n h ” , đ ã p h n n à o l t t đ i c s c h u a n g o a , r a n h m ả n h , l c đ i c c a n h â n v t c á i Đ u i t r o n g p h ó n g s “ C m t h y c m c o ” .

N g o à i n g o n n g n h â n v t , n g o n n g m i ê u t c ũ n g đ i c c á c t á c g i p h ó n g s q u a n t â m v à t h h i n r t h i u q u . N h i u t h i ê n p h ó n g s l o i c u n đ i c b n đ i c c h í n h l à s k t h p t í n h x o g i a n g o n n g b á o c h i n g n

g n , g i à u t h o n g t i n v i n g o n n g t i u t h u y t g i à u h i n h n h .

N ó i V ũ T r n g P h n g c ó đ i c m t h t h n g n g o n n g m i m v à o b c n h t s o v i c á c n h à v ả n đ i n g t h i , t r ê n m t k h í a c n h n à o đ ó , c ũ n g c ó n g h i ả l à n ó i ô n g đ ã đ a đ i c v à o v ả n c h n g m t h t h n g n g o n n g m à c ó n g i đ ã v í l à “ đ i ” n h t , “ b i ” n h t , t c l à h t h n g n h n g k h u n g , n h n g l i v ả n t c k h á t h o i m á i , k h o n g c â u n v à đ i n g n h đ ã t h o á t k h i m i r à n g b u c c a p h é p t c v ả n c h n g đ h o à n t o à n t o n t r n g t h c t b n g c á c h đ c h o t h c t l ê n t i n g v i n g o n n g r i ê n g c a n ó . T t n h i ê n , m i đ i n v i n g o n n g t r o n g v ả n b n đ i u d o n h à v ả n “ n g h i r a ” n h n g V ũ T r n g P h n g k h á c m t s n g i c m b ú t đ i n g t h i c h l à ô n g k h o n g h “ n g h i h ” h a y “ n ó i h ” c á c n h â n v t m à đ c h o c á c n h â n v t c t l ê n t i n g n ó i t h c s c a b n t h â n m i n h . K h i n h â n v t đ i c n ó i b n g t i n g n ó i c a c h í n h b n t h â n n ó , n g i đ i c n h đ i c t i p x ú c v i m t m n g đ i n ó n g h i , đ y b i b m n h n g r t t h c .

C ó m t đ i u đ i c b i t l à c á c n h â n v t c a V ũ T r n g P h n g r t đ v ả n t c . N h â n v t c a c á c n h à v ả n k h á c n h N g u y n C o n g H o a n , N g o T t T , N g u y e n H n g , T o H o à i , N a m C a o c ũ n g b i t v ả n t c , t h m c h i N g u y n C o n g H o a n , n h â n v t c a n h à v ả n n à y c ò n c ó n h n g c â u n ó i t c t r n t r i v à á c k h u h n , n h n g k h o n g t h v i m t “ t n s ” l n v à p h o n g p h ú n h t r o n g l i ả n t i n g n ó i c a n h â n v t V ũ T r n g P h n g . T r o n g t á c p h m c a ô n g , đ i n g n h m i h n g n g i đ i u b i t n ó i t c . H n i n ó n g l à c h ú n g v ả n t c v à , đ o i k h i k h o n g c ó c g i đ n i n ó n g c h ú n g v n c v ả n t c . C á c n h â n v t t r o n g p h ó n g s v à t i u t h u y t t s a n g đ i n h ê n , t k g i à u n t đ đ v á c h c h o đ i n k n g h e o r t k h o n g x u d í n h t ú i đ i u k h o n g n g n n g i c h i b i , v ả n t c , đ ã đ a n h , m à k h i , k h o t v n g t i n g V i t c h n v ả h e k h o n g đ t h i d ù n g

tiếng tíc... ngoi quic! Nhưng là Pháp bii, Tàu bii, nhng tiiu nà ma n, xà l, sapristi...

Phn ln li trn thu t c a Vũ Trng Phng trong các phóng s không xu t phát t đi m nhìn tác gi mà t đi m nhìn c a nhân v t ng i k chuy n - m t tay c b c b p, m t me Tây, m t hng c m th y c m cô, m t gái đi lành ngh - nên có cái li nói thô l, x c x c, trng tr n, b t ch p.

Nhng nhân v t c a Vũ Trng Phng là th, trong t x ng, nó không c n lch s, văn hóa; trong đi tho i, chúng s n sàng ném vào m t nhau nhng li thô b nh t. Qua các đi t nhân x ng và li x ng hô, qua đi tho i và đa tho i c a các nhân v t Vũ Trng Phng ng i ta có th hình dung rõ m t s phá s n toàn b các m i quan h gi a ng i v i ng i, trong đó có c nhng m i quan h tình c m quý báu, thiêng liêng nh t.

3. K t lu n

Phong cách ngôn ngữ c a phóng s thiên v li vi t t p c n tr c t p, không ph i là li ngôn ngữ thiên v miêu t nhng tình c m, trng thái, c m xúc. Theo đó, h thng ngôn ngữ ph i th c s linh ho t, đa đ ng, v a c th, v a khái quát và có th giúp tác gi b c l cái tôi, quan đi m cá nhân rõ nét, c th qua nhng đánh giá, tng thu t hay bình lu n v n đ đang đ t ra. Đ c các thiên phóng s c a m t s cây bút kì c u c a làng báo đ u th k XX nh Ngô T t T, Tam Lang, Trng Lang, Thiên H, Tiêu Liêu..., chúng ta th y các tác gi r t có ý th c trong vi c dùng ngôn ngữ th t s h p đ n, chính xác, khái quát và t o nên nhng n t t ng cho ng i đ c. Đi u đó đ ng nh đã đ c th hi n t cách đ t các tiêu đ c a các thiên phóng s, s v n đ ng các l p t ng x h i đã tr c t p tác đ ng m nh m đ n trí não đ c gi.

Xét t ph ng di n ngh thu t, h thng ngôn ngữ xã h i trong các thiên phóng s

c a Vũ Trng Phng đã th c s t o nên nhng hi u ng th m m đ c s c. Nó khi n cho các trang phóng s c a ông v a c th tình t, v a h p đ n khái quát. Nó có th giúp nhà văn miêu t đ ng nhng gì ông đã th c s đi u tra, tìm hi u, đ ng th i cũng t rõ m t góc nhìn ngh thu t đ i v i các v n đ xã h i. Có l đó cũng là lí do căn b n mà nhi u nhà nghiên c u đ u thng nh t gi các thiên phóng s c a Vũ Trng Phng là nhng tiiu thuy t - phóng s, m t ln ranh h p đ n, m t s giao thoa ngh sĩ mà ng i con làng H o, huy n M Hào, tnh H ng Yên đã tiên phong m đ u và đ li m t đ u n đ m nét.

TÀI LI U THAM KH O

1. Đoàn T Huy n, Lê Th Y n (2008), *S tay t - ng lóng tiiu Vi t*, Nxb Công an nhân dân, Hà N i.
2. Nguy n Văn Khang (1999), *Ngôn ngữ h c xã h i - Nhng v n đ c b n*, Nxb Khoa h c xã h i, Hà N i.
3. Nguy n Văn Khang (2003), *Tiiu lóng Vi t Nam*, Nxb Khoa h c xã h i, Hà N i.
4. Nguy n Trng Khánh (2006), *Phân tích tác ph m văn h c trong nhà tr ng t góc đ ngôn ngữ*, Nxb Giáo d c, Hà N i.
5. Nguy n Đăng M nh (1989), *Vũ Trng Phng - ông vua phóng s*, (Li gi i thi u phóng s *Kĩ ngh l y Tây, C m th y c m cô*), Nxb Hà N i, Hà N i.
6. Phan Ng c (2000), *Th xét văn hóa - văn h c b ng ngôn ngữ h c*, Nxb Thanh niên, Hà N i.
7. Trn Đăng Thao (1996), *Đóng góp c a Vũ Trng Phng đ i v i lch s văn h c Vi t Nam hi n đ i trong lĩnh v c phóng s và tiiu thuy t*, Lu n án PTS Ng v n, Đ i h c Qu c gia Hà N i.
8. Bùi Đ c T nh (1999), *Ngôn ngữ h c và văn h c (T p 1&2)*, Nxb Văn Ngh Tp H Chí Minh.
9. Bùi Minh Toán (2012), *Ngôn ngữ v i văn ch ng*, Nxb Giáo d c, Hà N i.